

Số: 454/2021/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 691/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ MA, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ MA, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành C và bà Bùi Thị C1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giữa ông C và bà C1 có 02 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/6/2001 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 11/4/2018. Ly hôn cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn ông C và bà C1 thỏa thuận giao cháu B cho bà C1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C1 không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà C1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông C và bà C1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông C và bà C1 tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản hoà giải đoàn tụ không thành thành ngày 08 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.C nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành C và bà Bùi Thị C1 thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/6/2001 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 11/4/2018. Ly hôn cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn ông C và bà C1 thỏa thuận giao cháu B cho bà C1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Ông C và bà C1 xác tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

-Về nợ chung: Ông C và bà C1 xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thành C và bà Bùi Thị C1 tự nguyện nộp 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000611, ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Các đương sự đã nộp xong tiền lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Long B, TP Biên Hòa,
- T.Đông Nai (GCN số 192; Quyền 01/2000);
- Lưu: Hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Viết Được